

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
ĐÔ THỊ SÀI ĐỒNG

HÀ NỘI, NGÀY 01 THÁNG 07 NĂM 2015

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp. Điều lệ của **Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng** (sau đây gọi tắt là "**Công Ty**") được hoàn thiện và ký ban hành ngày 01/07/2015, căn cứ theo Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông Công ty số: 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ-SAI DONG URBAN JSC ngày 18/06/2015 và thay thế cho bản Điều lệ ký ngày 24/10/2014, cùng toàn bộ các bản sửa đổi, bổ sung của bản Điều lệ ký ngày 24/10/2014 (nếu có).

Điều lệ này, cùng với (i) các quy định Pháp luật liên quan, (ii) bất kỳ và tất cả các Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị đã được ban hành một cách hợp lệ, là các quy định ràng buộc và nguyên tắc cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác đi, các thuật ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

1. "**Công ty con**" là bất kỳ công ty nào mà trong đó Công ty (i) sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành, hoặc (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó.
2. "**HDQT**" là các chữ viết tắt của thuật ngữ "Hội Đồng Quản Trị".
3. "**Vốn điều lệ**" có nghĩa là phần vốn mà các Cổ đông đóng góp theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ này.
4. "**Luật Doanh nghiệp 2014**" hay "**Luật Doanh nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014.
5. "**Ngày thành lập**" là ngày mà Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên của Công ty được cấp.
6. "**ĐHĐCĐ**" là các chữ viết tắt của thuật ngữ "Đại Hội Đồng Cổ Đông".
7. "**Pháp luật**" được áp dụng trong Điều lệ này bao gồm: Hiến pháp, Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Nghị định và các văn bản pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành để điều chỉnh các quan hệ liên quan đến hoạt động của Công ty; và các điều ước quốc tế được Việt Nam tham gia ký kết hoặc công nhận.
8. "**(các) Cổ phần**" có nghĩa là (các) Cổ phần phổ thông và (các) Cổ phần ưu đãi (nếu có).
9. "**(các) Cổ đông**" có nghĩa là cá nhân, pháp nhân hoặc bất kỳ tổ chức nào sở hữu ít nhất một (01) cổ phần của Công ty và tên của họ cùng các thông tin khác mà Pháp luật yêu cầu được nêu trong được liệt kê tại Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là chủ sở hữu của các Cổ phần.
10. "**Cổ đông lớn**" là Cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

11. “**Sổ đăng ký cổ đông**” có nghĩa là Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập và lưu giữ theo quy định tại Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
12. “**BKS**” là các chữ viết tắt của thuật ngữ “Ban Kiểm soát”.
13. “**Người có liên quan**” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:
 - a. Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
 - b. Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;
 - c. Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;
 - d. Người quản lý doanh nghiệp;
 - e. Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - f. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này;
 - g. Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f và g khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;
 - h. Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để đầu tư phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.
14. “**Kiểm soát viên**” hoặc “**KSV**” có nghĩa là kiểm soát viên của Công Ty.
15. “**Thị trường giao dịch chứng khoán**” là sàn giao dịch chính thức kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu và các loại chứng khoán khác, đặt tại thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội cùng bất kỳ sàn giao dịch chính thức khác được mở tại các thành phố khác tại Việt Nam.
16. “**Thời hạn hoạt động**” có nghĩa là thời hạn ban đầu của Công Ty được quy định tại Điều 3.6 của Điều Lệ này và bất kỳ gia hạn nào được thông qua bởi Nghị quyết của ĐHCĐ và được sự cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
17. “**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

ĐIỀU 2. NGUYÊN TẮC GIẢI THÍCH

1. Trong Điều lệ này, tham chiếu nào tới điều khoản hoặc văn bản bất kỳ sẽ bao gồm các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của văn bản đó.
2. Các tiêu đề được sử dụng chỉ để thuận tiện theo dõi và không ảnh hưởng đến việc giải thích và nội dung của các điều khoản của Điều lệ này.
3. Bất kỳ từ ngữ hoặc thuật ngữ nào đã được quy định tại Luật Doanh nghiệp sẽ (nếu không mâu thuẫn với chủ đề hoặc ngữ cảnh) có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.
4. Bất kỳ quy định Pháp luật nào liên quan tới hoạt động của Công ty mà không được quy định tại Điều lệ này hay Điều lệ có quy định song chưa đầy đủ hoặc có quy định Pháp luật mới ban hành thì đương nhiên được áp dụng để bổ sung cho các điều khoản liên quan của Điều lệ.

CHƯƠNG II CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 3. TÊN GỌI, LOẠI HÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Tên gọi tiếng Việt của Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ SÀI ĐỒNG

Tên giao dịch tiếng Anh:

**SAIDONG URBAN DEVELOPMENT & INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt: **SAIDONG URBAN JSC**

2. Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Đô thị Sài Đồng là một Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân độc lập được thành lập theo quy định của Pháp luật. Trong quá trình hoạt động, Công ty phải tuân thủ Pháp luật và các quy định tại Điều lệ này. Trách nhiệm của các Cổ đông đối với các bên thứ ba chỉ giới hạn trong phần vốn góp của mình trong tổng số Vốn điều lệ của Công ty. Công ty là một pháp nhân độc lập không chịu trách nhiệm đối với các khoản vay nợ hoặc các trách nhiệm khác của các Cổ đông, trừ khi có thoả thuận rõ ràng khác. Công ty hoạt động trên nguyên tắc quản lý kinh tế độc lập phù hợp với Điều lệ Công ty, Pháp luật và Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh.

3. Trụ sở chính của Công ty: **Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.**

Điện thoại: 04 - 39749261

Fax: 04- 39749262

Website: <http://www.saidongjsc.com>

Email: info@saidongjsc.com

4. Tổng Giám đốc (“TGD”) là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt trên ba mươi (30) ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

5. Công ty có thể, theo Nghị quyết của HĐQT và phù hợp với quy định của Pháp luật, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện phù hợp với lĩnh vực hoạt động kinh doanh để hỗ trợ các mục tiêu của Công ty.

6. Tùy thuộc vào việc chấm dứt trước thời hạn theo quy định tại Điều 48 hoặc gia hạn theo quy định tại Điều 49, thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ Ngày thành lập. Công ty có thể thay đổi thời hạn hoạt động theo một Nghị quyết của ĐHĐCĐ và/hoặc quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

ĐIỀU 4. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG VÀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

1. Công ty hoạt động nhằm mục tiêu:

a. Thực hiện dự án đầu tư và phát triển Khu Đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, Quận Long Biên, Hà Nội và các dự án khác theo quyết định của Công ty.

- b. Trở thành Công ty đầu tư và phát triển đô thị lớn mạnh trong thị trường Việt Nam;
- c. Tạo lợi nhuận cho các Cổ đông, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho xã hội.
2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty như sau:

STT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.	6810 (Chính)
2.	Hoạt động chiếu phim	5914
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ thu tiền đỗ xe	8299
4.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
5.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (trừ dịch vụ bảo vệ)	8110
6.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
7.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
8.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Chi tiết: - Tổ chức các buổi trình diễn của các ban nhạc, dàn nhạc, sự kiện văn hóa, biểu diễn nghệ thuật, thời trang, hội họa; - Hoạt động của các nghệ sỹ, nhạc sỹ, nhà diễn thuyết, hùng biện hoặc dẫn chương trình, người thiết kế sân khấu;	9000
9.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
10.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	4649
11.	Giáo dục mầm non	8510
12.	Giáo dục tiểu học	8520
13.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
14.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
15.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
16.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
17.	Sản xuất giống thủy sản	0323
18.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
19.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510
20.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600

21.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
22.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
23.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
24.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
25.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
26.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh Chi tiết: Trồng các loại hoa, cây cảnh phục vụ nhu cầu sinh hoạt, làm đẹp cảnh quan, môi trường, sinh hoạt văn hoá	0118
27.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
28.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn các loại hoa, cây trồng, cây cảnh.	4620
29.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ các loại hoa, cây trồng, cây cảnh;	4773
30.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
31.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
32.	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
33.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao) (không bao gồm day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền)	9610
34.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động thể thao, vui chơi và giải trí (trừ loại hình vui chơi, giải trí Nhà nước cấm);	9329
35.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Dịch vụ ăn uống;	5610
36.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Dịch vụ lưu trú	5510
37.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;	4290
38.	Xây dựng nhà các loại	4100
39.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);	4610
40.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản	6820
41.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao (trừ câu lạc bộ bắn súng)	9312
42.	Hoạt động thể thao khác	9319
43.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721

44.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
45.	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5629
46.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
47.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán). - Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán và hoạt động nhận ủy thác đầu tư tài chính);	6619
48.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);	7020
49.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ các loại bánh, mứt, kẹo; Bán lẻ các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán lẻ các loại cà phê bột, cà phê hòa tan, chè	4722
50.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
51.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
52.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
53.	Bán buôn thực phẩm	4632
54.	Bán buôn đồ uống: Chi tiết: - Bán buôn rượu mạnh; - Bán buôn rượu vang; - Bán buôn bia. - Bán buôn đồ uống nhẹ không chứa cồn, ngọt, có hoặc không có ga; - Bán buôn nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác.	4633
55.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ uống có cồn: rượu mạnh, rượu vang, bia - Bán lẻ đồ không chứa cồn: các loại đồ uống nhẹ, có chất ngọt, có hoặc không có ga như: coca cola, pépsi cola, nước cam, chanh, nước quả khác...; - Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác.	4723
56.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724

	Chi tiết: Bán lẻ thuốc lá điếu, xì gà; thuốc lá (trừ thuốc lá ngoại);	
57.	Đại lý du lịch	7911
58.	Điều hành tua du lịch	7912
59.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
60.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
61.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
62.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
63.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
64.	Vận tải hàng hoá bằng đường bộ	4933
65.	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá	5210
66.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
67.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động phiên dịch	7490
68.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo Chi tiết: Bán buôn sản phẩm thuốc lá điếu, xì gà, các sản phẩm thuốc láo,	4634
69.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
70.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
71.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
72.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
73.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
74.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chi kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	1101

3. ĐHCĐ của Công ty có thể quyết định thay đổi hoặc mở rộng phạm vi kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật.

CHƯƠNG III QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

ĐIỀU 5. QUYỀN CỦA CÔNG TY

Công ty có quyền:

1. Quản lý, sử dụng phần vốn góp của các Cổ đông và các nguồn vốn khác nhằm thực hiện các mục tiêu, trách nhiệm và chiến lược kinh doanh của Công ty.
2. Cấp vốn cho các Công ty con, các Công ty phụ thuộc và liên quan dưới hình thức các khoản vay để hỗ trợ thoả mãn nhu cầu vốn cho việc phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, bao gồm cả việc phát triển các dự án bất động sản.

3. Tổ chức bộ máy quản lý, hoàn thiện quy chế lương, và chỉ đạo hoạt động của các đơn vị kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Công ty. Phân chia và điều chỉnh các nguồn lực giữa các Công ty con để đảm bảo hiệu quả kinh doanh sau khi đã được ĐHCĐ quyết định.
4. Kinh doanh trong các lĩnh vực không bị Pháp luật cấm; mở rộng phạm vi các hoạt động kinh doanh theo khả năng của Công ty và nhu cầu thị trường.
5. Tái cơ cấu, chấm dứt hoạt động của các Công ty con và phát triển hoạt động kinh doanh sản xuất của Công ty.
6. Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty trong và ngoài nước theo quy định của Pháp luật. Mở (các) tài khoản giao dịch trong và ngoài nước.
7. Chia tách, sáp nhập, đầu tư, tham gia vào các liên doanh hoặc hợp danh, mua Cổ phần, mua toàn bộ hoặc một phần tài sản của Công ty khác theo quy định của Pháp luật và phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty.
8. Tìm kiếm thị trường, lựa chọn khách hàng; trực tiếp giao dịch và tham gia ký kết các loại hợp đồng với khách hàng trong và ngoài nước; được phép thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu để đáp ứng các yêu cầu của hoạt động kinh doanh của Công ty.
9. Lựa chọn, tuyển dụng và sử dụng người lao động theo yêu cầu của hoạt động kinh doanh, bao gồm cả các chuyên gia nước ngoài nếu cần và được quy định bởi Pháp luật. Lựa chọn các hình thức thanh toán lương, phân bổ thu nhập, quyết định mức lương của người lao động theo quy định của Pháp luật.
10. Từ chối và không chấp nhận các đề nghị cung cấp tài chính không được quy định bởi Pháp luật từ bất kỳ cá nhân, Công ty hoặc tổ chức nào, trừ các đóng góp tự nguyện vì mục đích nhân đạo và lợi ích cộng đồng.
11. Sử dụng vốn và quỹ của Công ty để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh trên cơ sở bảo toàn vốn và thu lợi nhuận.
12. Lựa chọn cách thức huy động vốn từ các nguồn tài chính trong và ngoài nước. Được phép phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của Pháp luật.
13. Thanh lý, chuyên nhượng, thay thế, thuê, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản và quyền sử dụng đất phù hợp với Pháp luật và trên cơ sở bảo toàn vốn.
14. Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận cho các Cổ đông sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với nhà nước và phân bổ quỹ theo quy định của nhà nước và quyết định của HĐQT.
15. Đăng ký và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.
16. Khởi kiện và tự bào chữa trong các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.
17. Thuê các luật sư, kế toán, tư vấn, đại lý, cố vấn, kỹ sư, kiến trúc sư, và nhà thầu để giúp đỡ Công ty.
18. Được hưởng và yêu cầu các chính sách ưu đãi về thuế theo quy định của Nhà nước.
19. Thực hiện mọi hoạt động hợp pháp và ký kết các thoả thuận, văn bản và văn kiện hợp pháp nếu cần thiết và cần làm nhằm mục đích phục vụ cho Công ty và hoạt động kinh doanh của Công ty.
20. Các quyền khác phù hợp với quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 6. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY

Công ty chịu trách nhiệm:

1. Hoàn thành việc đăng ký kinh doanh và hoạt động kinh doanh trong những ngành nghề mà Luật không cấm; chịu trách nhiệm trước (i) các Cổ đông về kết quả kinh doanh của Công ty, và (ii) khách hàng của mình và Pháp luật về các sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.
2. Lập chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư, kế hoạch kinh doanh phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của Công ty cũng như nhu cầu của thị trường.
3. Ký kết và tổ chức thực hiện các loại hợp đồng với các đối tác.
4. Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động phù hợp với Bộ luật Lao động, đảm bảo cho người lao động tham gia việc quản lý Công ty thông qua thoả ước lao động tập thể và các quy định khác.
5. Tuân thủ các quy định Pháp luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, an ninh quốc gia, phòng cháy và chữa cháy.
6. Tuân thủ các chế độ kế toán và thống kê, chuẩn bị các bản báo cáo định kỳ phù hợp với quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của ĐHCĐ, và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các báo cáo đó.
7. Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định Pháp luật.
8. Tuân thủ các quy định về thanh tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
9. Tuân thủ triệt để chế độ và quy định về chế độ báo cáo tài chính, thống kê – kế toán, kiểm toán và các quy chế khác được quy định bởi Pháp luật, chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các báo cáo tài chính của Công ty.
10. Bảo toàn, phát triển vốn và các khoản quỹ của Công ty.
11. Hoàn thành các quy định liên quan đến các hạng mục thu, chi trong bảng cân đối kế toán của Công ty.
12. Cung cấp báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin khách quan và có thật về hoạt động của Công ty theo quyết định của ĐHCĐ.
13. Nộp thuế, đóng góp vào Ngân sách Nhà nước và tuân thủ các nghĩa vụ khác theo quy định Pháp luật.
14. Tuân thủ mọi điều khoản của Điều lệ này và chịu trách nhiệm đối với khách hàng trong phạm vi vốn Điều lệ của Công ty.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, LOẠI CỔ PHIẾU, CHỨNG CHỈ CỔ PHIẾU.

ĐIỀU 7. VỐN ĐIỀU LỆ

1. Vốn Điều lệ của Công ty là: **1.199.958.000.000 VNĐ** (Một nghìn một trăm chín mươi chín tỷ, chín trăm năm mươi tám triệu đồng Việt Nam). Công ty có thể tăng hoặc giảm Vốn Điều lệ theo quyết định của ĐHCĐ và phù hợp với quy định của Pháp luật.

Vốn Điều lệ được chia thành:

Tổng số Cổ phần: 119.995.800 Cổ phần

Loại Cổ phần: Cổ phần Phổ thông

Mệnh giá Cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

Vốn Điều lệ Công ty có thể được góp bằng tiền, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác theo quy định của pháp luật.

2. HĐQT sẽ quyết định thời gian, phương thức và giá Cổ phần. Giá của Cổ phần được chào bán không được thấp hơn giá thị trường vào thời điểm chào bán hoặc giá mới nhất được ghi trong sổ sách kế toán, ngoại trừ các trường hợp sau:
 - a. Cổ phần chào bán cho tất cả các Cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với số Cổ phần của họ hiện đang nắm giữ trong Công ty;
 - b. Cổ phần chào bán cho bên môi giới chứng khoán hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành/Công ty chứng khoán. Trong trường hợp này, tỷ lệ chiết khấu và số lượng chiết khấu phải được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ;
3. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, bất kỳ Cổ phần phổ thông dự kiến phát hành nào sẽ được ưu tiên chào bán tới các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ Cổ phần phổ thông mà Cổ đông đó đang nắm giữ phù hợp với thủ tục quy định tại Điều 124 của Luật Doanh nghiệp. Việc chào bán phải được thể hiện bằng một thông báo nêu rõ số lượng cổ phần chào bán, thời hạn hợp lý để Cổ đông đăng ký mua chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua Cổ phần. Các Cổ đông được quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác. Số cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ thuộc quyền kiểm soát của HĐQT. HĐQT sẽ chào bán hoặc phân phối quyền chọn mua các cổ phần đó cho các đối tượng thích hợp, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT cho là phù hợp, nhưng không được ưu đãi hơn các điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ khi được ĐHĐCĐ chấp thuận hoặc trong trường hợp Cổ phần được bán qua Thị trường giao dịch chứng khoán. Công ty có thể mua lại các Cổ phần đã phát hành của mình theo bất kỳ hình thức nào được Luật Doanh nghiệp cho phép. Bất kỳ Cổ phần mua lại nào bởi Công ty sẽ được giữ lại là Cổ phần quỹ và HĐQT có thể chào bán theo bất kỳ hình thức nào phù hợp với quy định của Pháp luật.
4. Công ty được phép phát hành trái phiếu bảo đảm hoặc trái phiếu không bảo đảm, và theo sự phê duyệt của ĐHĐCĐ, có thể phát hành trái phiếu chuyển đổi (trái phiếu có thể được chuyển đổi thành Cổ phần theo các điều kiện được quy định trước), và chứng nhận trái phiếu (được phát hành cùng với trái phiếu cho phép người nắm giữ chứng nhận trái phiếu được mua một số lượng Cổ phần với mức giá và thời gian xác định trước).
5. Vốn Điều lệ sẽ không được sử dụng để chi trả cổ tức cho các Cổ đông trong bất kỳ trường hợp nào. Trường hợp Công ty chấm dứt hoạt động trước thời hạn, các quy định liên quan của Pháp luật sẽ được áp dụng.

ĐIỀU 8. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CỔ ĐÔNG

1. Các Cổ đông là chủ sở hữu của Công ty, có quyền và trách nhiệm tương ứng với số lượng Cổ phần và loại Cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của từng Cổ đông được giới hạn trong phần giá trị tính trên mệnh giá của các Cổ phần mà người đó nắm giữ.
2. Cổ đông có các trách nhiệm sau:
 - a. Tuân thủ Điều lệ của Công ty, các Nghị quyết của HĐQT và Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - b. Thanh toán vốn Cổ phần theo số lượng Cổ phần đăng ký mua và phù hợp với các thủ tục yêu cầu; và
 - c. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Pháp luật.
3. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các Cổ đông khác đồng thời có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 9. CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Tại thời điểm thông qua bản Điều lệ sửa đổi, bổ sung, Công ty đã thành lập quá ba (03) năm, theo quy định của Luật doanh nghiệp, các cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cổ phần nên Công ty không ghi nhận danh sách cổ đông sáng lập trong Điều lệ. Việc theo dõi, cập nhật, quản lý cổ đông được thực hiện trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

ĐIỀU 10. CỔ PHẦN PHỔ THÔNG

1. Người sở hữu Cổ phần Phổ thông được gọi là Cổ đông Phổ thông.
2. Các Cổ đông Phổ thông có quyền:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Mỗi Cổ phần Phổ thông sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - c. Được ưu tiên mua Cổ phần mới chào bán của Công ty theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ phần của mình trong Công ty;
 - d. Tự do chuyển nhượng Cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật hiện hành;
 - e. Xem xét, trích lục các thông tin trong Sổ đăng ký cổ đông; kiểm tra các thông tin liên quan đến Cổ đông trong danh sách Cổ đông đủ tư cách tham gia ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - g. Trong trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, có quyền nhận một phần tài sản còn lại của Công ty theo tỷ lệ vốn góp, sau khi Công ty đã thực hiện các khoản

- thanh toán cho các chủ nợ và bất kỳ Cổ đông Ưu đãi nào và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật;
- h. Yêu cầu Công ty mua lại Cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 15 Điều lệ này;
 - i. Thực hiện việc bỏ phiếu từ xa trong cuộc họp ĐHĐCĐ (nếu có);
 - j. k. Được đối xử công bằng, cụ thể: mỗi Cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
 - k. Được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty.
 - l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ và Luật Doanh nghiệp.
3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số Cổ phần Phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng ngoài các quyền và nghĩa vụ quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 của Điều này còn có các quyền sau:
- a. Đề cử thành viên vào HĐQT và BKS;
 - b. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của Hệ thống Kế toán Việt Nam và các báo cáo của BKS;
 - c. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong các trường hợp quy định tại Điều 114.3 Luật Doanh Nghiệp;
 - d. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và tuân theo các quy định của Điều 114.2(d) Luật Doanh Nghiệp; và
 - e. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
4. Các Cổ đông Phổ thông của Công ty có các nghĩa vụ sau:
- a. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ;
 - b. Thanh toán đủ tiền mua Cổ phần theo số lượng Cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục và thời hạn quy định;
 - c. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty;
 - d. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại Cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn Cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị Cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
 - e. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ Công ty;
 - f. Chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT;
 - g. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.

- h. Cổ đông Phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - Vi phạm pháp luật;
 - Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
- i. Cổ phần Phổ thông không thể chuyển đổi thành Cổ phần Ưu đãi.

ĐIỀU 11. CỔ PHẦN ƯU ĐÃI

1. Phụ thuộc vào sự phê duyệt của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp, Công ty có quyền phát hành các loại Cổ phần Ưu đãi. Cổ phần Ưu đãi gồm các loại sau đây:
 - (a) Cổ phần Ưu đãi cổ tức;
 - (b) Cổ phần Ưu đãi hoàn lại;
 - (c) Cổ phần Ưu đãi khác do Điều lệ hoặc Pháp luật quy định.
2. Người sở hữu Cổ phần Ưu đãi được gọi là Cổ đông Ưu đãi. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông Ưu đãi của từng loại Cổ phần Ưu đãi sẽ do ĐHĐCĐ quyết định phù hợp với các quy định liên quan của Luật Doanh nghiệp
 - 2.1 Cổ phần Ưu đãi có thể được chuyển đổi thành Cổ phần Phổ thông theo quyết định của ĐHĐCĐ.
 - 2.2 Trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc ĐHĐCĐ có quy định khác, bất kỳ Cổ đông Ưu đãi muốn chuyển đổi Cổ phần Ưu đãi thành Cổ phần Phổ thông phải gửi thông báo bằng văn bản gửi tới Công ty nêu rõ số lượng Cổ phần Ưu đãi mà Cổ đông đó muốn được chuyển đổi thành Cổ phần Phổ thông. Công ty sẽ chuyển đề nghị này tới ĐHĐCĐ trong vòng bảy (7) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.
 - 2.3 Trong trường hợp có thỏa thuận khác hoặc ĐHĐCĐ có quy định khác, khi nhận được nghị quyết của ĐHĐCĐ phê duyệt việc chuyển đổi đó, Cổ đông Ưu đãi sẽ chuyển lại cho Công ty Chứng chỉ Cổ phiếu liên quan tới số Cổ phần sẽ được chuyển đổi, và Công ty sẽ phát hành Chứng chỉ cổ phiếu mới cho số Cổ phần Phổ thông hình thành từ việc được chuyển đổi đó và ghi nhận việc chuyển đổi trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông. Không phụ thuộc vào ngày mà Cổ đông liên quan nhận được Chứng chỉ cổ phiếu đối với số Cổ phần Phổ thông đó, quyền sở hữu đối với số Cổ phần Phổ thông sẽ được coi như bắt đầu kể từ ngày mà việc chuyển đổi được đăng ký tại Sổ Đăng Ký Cổ Đông.
 - 2.4 Cổ phần Phổ thông hình thành từ việc chuyển đổi từ Cổ phần Ưu đãi sẽ xếp hạng bằng và thống nhất với các Cổ phần Phổ thông đã được phát hành và mua trước khi có sự chuyển đổi đó.
 - 2.5 Một Cổ đông Ưu đãi có các quyền khác theo quy định của Điều lệ và Luật doanh nghiệp, bao gồm cả quyền chuyển nhượng Cổ phần Ưu đãi cho người khác.

ĐIỀU 12. CHỨNG CHỈ CỔ PHIẾU VÀ SỔ ĐĂNG KÝ CỔ ĐÔNG

1. Mọi Cổ đông đều có quyền được cấp một Chứng chỉ Cổ phiếu.
2. Mọi chứng chỉ cổ phiếu được phát hành với chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty (nếu có), theo hình thức phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu nêu rõ số lượng, loại cổ phần và số tiền đã thanh toán cổ phần đó, tên của Cổ đông và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Tùy thuộc vào quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông đối với bất kỳ Cổ phần và loại Cổ phần nào, đều có quyền nhận một Chứng chỉ Cổ phiếu miễn phí trong vòng hai (2) tháng (hoặc lâu hơn theo như điều khoản phát hành quy định) sau khi mua hoặc nhận chuyển nhượng (trong trường hợp chuyển nhượng).
4. Trường hợp có sự chuyển nhượng của một số Cổ phần trong các Cổ phần được quy định trong một Chứng chỉ Cổ phiếu, thì Chứng chỉ Cổ phiếu cũ sẽ được hủy bỏ và thay thế bởi một Chứng chỉ Cổ phiếu mới ghi nhận số Cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Nếu Chứng chỉ Cổ phiếu bị hư hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị xem là bị rơi, mất, hoặc tiêu hủy, một Chứng chỉ Cổ phiếu mới ghi nhận số Cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện là người đó phải nộp lại cho Công ty giấy chứng nhận cũ, hoặc (trong trường hợp bị xem là bị rơi, mất, hoặc tiêu hủy) tuân thủ các điều kiện đặt ra liên quan về chứng cứ và bồi hoàn, và (trong bất kỳ trường hợp nào phía trên) phải chịu chi phí của Công ty theo Nghị quyết của HĐQT. Người nắm giữ chứng chỉ Cổ phiếu có trách nhiệm duy nhất trong việc bảo quản, giữ gìn giấy chứng nhận. Công Ty không có bất kỳ trách nhiệm nào đối với việc mất mát hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo của chứng chỉ cổ phiếu đó. Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu đồng Việt Nam (10.000.000 VNĐ), chủ sở hữu cổ phiếu phải đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công Ty cấp cổ phiếu mới.
6. Người nắm giữ Chứng chỉ Cổ phiếu có trách nhiệm duy nhất trong việc bảo quản, giữ gìn chứng chỉ. Công ty không có bất kỳ trách nhiệm nào đối với việc mất mát hoặc sử dụng với mục đích trái pháp luật của Chứng chỉ Cổ phiếu đó.
7. Liên quan tới Cổ phần Ưu đãi, ngoài các quy định nêu trên, thì Chứng chỉ Cổ phiếu còn phải nêu rõ các hình thức ưu đãi của Cổ phần đó và/hoặc các nội dung khác theo quy định của Điều 117 và/hoặc Điều 118 Luật Doanh nghiệp.
8. Sổ Đăng Ký Cổ Đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Trường hợp có bất kỳ thay đổi nào về nội dung Sổ Đăng Ký Cổ Đông liên quan tới bất kỳ Cổ đông nào, thì Cổ đông đó phải có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch HĐQT biết. Chủ tịch HĐQT và người giữ sổ có trách nhiệm tiến hành sửa đổi thông tin trong sổ tương ứng trên cơ sở thay đổi đó. Chủ tịch HĐQT sẽ ký vào Sổ Đăng Ký Cổ Đông ngay sau mỗi lần có sự thay đổi.
Công ty sẽ không chịu trách nhiệm đối với trường hợp Công ty không thể liên lạc và/hoặc không thể gửi thư, tài liệu cho Cổ đông do địa chỉ của Cổ đông không có, không

chính xác hoặc không đầy đủ cho mục đích liên lạc và/hoặc gửi thư đó. Việc không thể liên lạc hoặc gửi thư gửi tài liệu đó sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ, lấy ý kiến Cổ đông, gửi tài liệu cho Cổ đông và hiệu lực của các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua.

10. Chủ tịch HĐQT và người giữ Sổ Đăng Ký Cổ Đông có trách nhiệm tạo điều kiện cho TGD và các Cổ đông của Công ty tiếp cận đến Sổ Đăng Ký Cổ Đông.

CHƯƠNG V

CHUYỂN NHƯỢNG, THU HỒI VÀ MUA LẠI CỔ PHẦN

ĐIỀU 13. CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 của Điều này và/hoặc theo quy định rõ ràng của pháp luật Việt Nam, tất cả các Cổ phần đều được tự do chuyển nhượng.
2. Đối với Cổ phần tự do chuyển nhượng, việc chuyển nhượng Cổ phần sẽ có hiệu lực ngay sau khi tên của người nhận chuyển nhượng Cổ phần đã được đăng ký trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông. Chỉ các Cổ đông có tên trong Sổ Đăng ký Cổ Đông mới được coi là Cổ đông hợp pháp của Công ty.
3. Tất cả các Cổ phần niêm yết trên Thị trường Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp luật về chứng khoán và Sở Giao dịch Chứng khoán.
4. HĐQT có toàn quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng đối với bất kỳ Cổ phần nào chưa được thanh toán đầy đủ.
5. Trong trường hợp một Cổ đông bị chết và có yêu cầu của người liên quan, những người thừa kế của người chết phải có một văn bản thỏa thuận để chỉ định người hoặc một số người đại diện cho số Cổ phần của Cổ đông bị chết, trong thỏa thuận phải nêu rõ mỗi người sẽ đại diện cho bao nhiêu số Cổ phần. Nếu không có thỏa thuận hoặc không xác định được người thừa kế của người chết, việc thực hiện quyền liên quan đến số Cổ phần của người chết sẽ tạm ngừng cho đến khi có phán quyết của cơ quan có thẩm quyền về việc xác định người hoặc những người có quyền đại diện cho số Cổ phần của người chết hoặc những người thừa kế đạt được thỏa thuận.
Trong trường hợp Cổ đông bị chết sở hữu số Cổ phần từ 1% Vốn điều lệ trở lên, HĐQT có thể sẽ chỉ định một chuyên gia pháp lý độc lập để nghiên cứu và đưa ra ý kiến về vụ việc. HĐQT dựa trên ý kiến của chuyên gia sẽ quyết định: (i) xác định người hoặc những người đại diện cho số Cổ phần của Cổ đông bị chết; hoặc (ii) tạm ngừng thực hiện quyền Cổ đông liên quan đến số Cổ phần của Cổ đông bị chết cho đến khi có phán quyết của cơ quan có thẩm quyền hoặc những người thừa kế đạt được thỏa thuận.
6. Khi một Cổ đông là một pháp nhân hoặc tổ chức bị giải thể, phá sản, sáp nhập, chia tách, chuyển đổi hình thức hoạt động, thì mọi quyền và trách nhiệm liên quan tới Cổ phần của Cổ đông đó sẽ được giải quyết phù hợp với quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 14. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO YÊU CẦU CỦA CÁC CỔ ĐÔNG

1. Các Cổ đông biểu quyết phản đối các quyết định về tổ chức lại Công ty hoặc các quyết định thay đổi các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông theo quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại Cổ phần của mình. Yêu cầu phải được thực hiện bằng văn bản trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ đông đó, số lượng Cổ phần, giá chào bán, và lý do yêu cầu mua lại. Yêu cầu phải được gửi tới Công ty trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày ĐHĐCĐ phê duyệt vấn đề được quy định trong đoạn này.
2. Công ty sẽ mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông theo quy định tại khoản 1 của Điều này trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Cổ phần sẽ được mua lại theo giá trị trường tại thời điểm đó, hoặc nếu giá trị trường không xác định được, thì giá mua sẽ được xác định ít nhất bằng giá mua của Cổ phần đó.
3. Trường hợp không đạt được thoả thuận về giá mua lại, thì Cổ đông đó có thể bán Cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

ĐIỀU 15. MUA LẠI CỔ PHẦN THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY

Công ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số Cổ phần Phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ Cổ phần Ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số Cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại Cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định;
2. HĐQT quyết định giá mua lại Cổ phần. Đối với Cổ phần Phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với Cổ phần loại khác, giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường trừ khi có thoả thuận khác giữa Công ty và Cổ đông;
3. Công ty có thể mua lại Cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ Cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại Cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số Cổ phần và loại Cổ phần được mua lại, giá mua hoặc nguyên tắc xác định giá mua, thủ tục và thời hạn thanh toán, thời hạn để Cổ đông chào bán Cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại Cổ phần phải gửi chào bán Cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ đông là tổ chức; số Cổ phần sở hữu và số Cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của Cổ

đồng hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông. Công ty chỉ mua lại Cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

ĐIỀU 16. ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ XỬ LÝ CÁC CỔ PHẦN ĐƯỢC MUA LẠI

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán Cổ phần được mua lại cho Cổ đông theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp 2014 nếu ngay sau khi thanh toán hết số Cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp 2014 được coi là Cổ phần thu về và thuộc số Cổ phần được quyền chào bán.
3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu Cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi Cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch HĐQT và TGD phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.
4. Sau khi thanh toán hết số Cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số Cổ phần mua lại.

ĐIỀU 17. THU HỒI TIỀN THANH TOÁN CỔ PHẦN MUA LẠI HOẶC CỔ TỨC

Trường hợp việc thanh toán Cổ phần mua lại trái với quy định tại Khoản 1 Điều 131 của Luật Doanh nghiệp 2014 hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp 2014 thì các Cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp Cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì Cổ đông đó và tất cả thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho Cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG VI CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

ĐIỀU 18. CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Cơ cấu Tổ chức và Quản lý của Công ty như sau:

- (i) ĐHCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty và sẽ, không bị giới hạn hoặc ảnh hưởng bởi các quyền của HĐQT theo Điều lệ này, thực hiện tất cả các quyền hạn của Công ty;
- (ii) HĐQT là cơ quan quản lý của Công ty được điều chỉnh bởi các chuẩn mực cao nhất về quản trị, điều hành doanh nghiệp và chịu trách nhiệm quản lý Công ty vì các quyền lợi tốt nhất cho tất cả các Cổ đông;
- (iii) TGD là người điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật về thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao phó;

- (iv) BKS là cơ quan do ĐHĐCĐ thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc khi cần thiết để giám sát HĐQT, TGD trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- (v) Bộ máy giúp việc: các Phó TGD, Kế toán trưởng, Các Cán Bộ Quản lý

CHƯƠNG VII ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐIỀU 19. QUYỀN HẠN CỦA ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty và, không bị giới hạn, ảnh hưởng bởi các quyền của HĐQT theo Điều lệ này, thực hiện tất cả các quyền hạn của Công ty.
2. ĐHĐCĐ bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều lệ này.
3. ĐHĐCĐ có quyền thảo luận và quyết định các vấn đề sau:
 - a. Phê duyệt báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của HĐQT, báo cáo của BKS, báo cáo kiểm toán, kế hoạch kinh doanh hàng năm;
 - b. Đưa ra các quyết định về loại Cổ phần và số lượng của từng loại Cổ phần chào bán; đưa ra các quyết định về cổ tức hàng năm của mỗi loại Cổ phần trên cơ sở báo cáo và đề nghị của HĐQT;
 - c. Quyết định số lượng thành viên của HĐQT và BKS;
 - d. Bầu chọn, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
 - e. Quyết định chế độ thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS (nếu có);
 - f. Bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - g. Xem xét các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Công ty và các Cổ đông của Công ty;
 - h. Quyết định bất kỳ giao dịch nào về đầu tư hoặc bán tài sản có tổng giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - i. Quyết định việc Công ty mua lại trên 10% tổng số Cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - j. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k. Xem xét và quyết định các vấn đề khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền Cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số Cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông;
 - b. Số lượng Cổ phần, loại Cổ phần và ngày đăng ký Cổ đông tại Công ty;

- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;
- d. Số Cổ phần được ủy quyền đại diện;
- e. Thời hạn đại diện theo ủy quyền;
- f. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của Cổ đông.

Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

- 5. Cổ đông không có quyền biểu quyết đề thông qua các vấn đề sau:
 - (i) Bất kỳ hợp đồng, giao dịch nào theo quy định tại Điều 19.3, nếu Cổ đông hoặc người có liên quan của Cổ đông đó là một bên tham gia hợp đồng hoặc giao dịch
 - (ii) Bất kỳ việc mua Cổ phần nào của Cổ đông hoặc của người có liên quan của Cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại Cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các Cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

ĐIỀU 20. CUỘC HỌP ĐHĐCĐ

- 1. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên sẽ được triệu tập bởi HĐQT tại một địa điểm tại Việt Nam do HĐQT xác định tùy theo thời điểm. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định về các vấn đề theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này. Định kỳ ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần trong thời hạn bốn (4) tháng (hoặc không quá sáu (6) tháng khi được sự chấp thuận của cơ quan đăng ký kinh doanh), kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 2. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - (i) HĐQT thấy cần thiết cho các lợi ích của Công ty. Có thể là trường hợp mà các kiểm toán viên cho rằng cần phải họp để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc tình hình tài chính của Công ty và thông báo với HĐQT;
 - (ii) Bảng cân đối tài chính hàng năm, báo cáo quý, báo cáo sáu (6) tháng, hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã mất đi một nửa (1/2) so với đầu kỳ;
 - (iii) Khi số lượng thành viên HĐQT, BKS ít hơn số lượng quy định bởi Pháp luật hoặc số lượng HĐQT ít hơn một nửa (1/2) số lượng quy định tại Điều lệ này;
 - (iv) Một Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nêu tại Khoản 3 Điều 10 có nhu cầu triệu tập họp và gửi đề nghị bằng văn bản nêu rõ lý do và mục đích của buổi họp, được ký bởi các Cổ đông đó (đề nghị này có thể bao gồm hai bản hoặc nhiều hơn cùng với chữ ký của tất cả các Cổ đông đó); và
 - (v) BKS yêu cầu triệu tập họp nếu có lý do tin rằng thành viên của HĐQT đã vi phạm nghiêm trọng các trách nhiệm của họ tại Điều 149 Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT đã hành động hoặc có ý định hành động vượt quyền hạn cho phép. HĐQT

phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu trên.

3. Trường hợp HĐQT không triệu tập được cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường, BKS sẽ triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ. Nếu BKS không triệu tập được cuộc họp đó, thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu tại điểm (iv) khoản 2 của Điều này triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường.
4. Mọi chi phí cần thiết để triệu tập và thực hiện cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Công ty chi trả, tuy nhiên, để rõ ràng, thì các chi phí này sẽ không bao gồm các khoản mà các Cổ đông phải chịu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, đặc biệt chi phí ăn ở và đi lại.

ĐIỀU 21. QUYỀN DỰ HỌP ĐHĐCĐ

1. Cổ đông là cá nhân, Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp ĐHĐCĐ. Trường hợp Cổ đông là tổ chức không có người Đại Diện Theo Ủy Quyền theo quy định tại Khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền người khác dự họp ĐHĐCĐ.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp Cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của Cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b) Trường hợp người Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người Đại Diện Theo Ủy Quyền, người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền.
4. Quy định tại Khoản 3 Điều này không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này chậm nhất hai mươi tư (24) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của ĐHĐCĐ.
5. Trường hợp Cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách Cổ đông đến ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp ĐHĐCĐ thay thế cho người chuyển nhượng đối với số Cổ phần đã chuyển nhượng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

ĐIỀU 22. TRIỆU TẬP HỌP ĐHĐCĐ, CHƯƠNG TRÌNH NỘI DUNG VÀ THÔNG BÁO MỜI HỌP

1. ĐHĐCĐ sẽ được triệu tập họp bởi HĐQT trừ khi quy định của Khoản 3 Điều 20 Điều lệ này được áp dụng.
2. Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ phải thực hiện các công việc sau:
 - (i) Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ tư cách tham gia và biểu quyết tại Đại hội không sớm hơn 05 (năm) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ; chương trình họp, nội dung họp và các tài liệu cần thiết theo quy định Pháp Luật và Điều Lệ này;
 - (ii) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông;
 - (iii) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - (iv) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - (v) Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - (vi) Xác nhận thời gian và địa điểm họp; và
 - (vii) Thông báo và gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ cho tất cả các Cổ Đông có quyền dự họp.
3. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số Doanh Nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của Cổ Đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông ghi trong danh sách Cổ Đông có quyền dự họp đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty ít nhất mười (10) ngày làm việc (không bao gồm ngày thông báo và ngày tiến hành cuộc họp) (hoặc ít nhất mười lăm (15) ngày trong trường họp thời hạn mười (10) ngày làm việc nói trên ít hơn mười lăm (15) ngày) trước ngày tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ.

Các tài liệu họp kèm thông báo mời họp ĐHĐCĐ sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty bao gồm: (i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; (ii) Phiếu biểu quyết; và (iii) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi tới các Cổ Đông như quy định tại Khoản này sẽ ghi rõ nơi và cách thức tải tài liệu họp. Công Ty sẽ gửi tài liệu họp cho Cổ Đông nếu Cổ Đông yêu cầu..
4. Các Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông như quy định tại Khoản 3, Điều 10 có quyền đề nghị các vấn đề cần được đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề nghị phải được làm thành văn bản và gửi tới Công ty ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Đề nghị phải có tên của Cổ đông, số lượng và loại Cổ phần nắm giữ, và các vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Trong trường họp có việc chuyển nhượng Cổ phần được thực hiện trong khoảng thời gian từ khi hoàn thành danh sách các Cổ đông dự họp cho tới ngày tiến hành cuộc họp

ĐHĐCĐ, người nhận chuyển nhượng sẽ có quyền tham gia họp ĐHĐCĐ thay cho người chuyển nhượng.

6. Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối các đề nghị theo Khoản 4 của Điều này nếu:
 - (i) Đề nghị không được gửi đến đúng hạn;
 - (ii) Đề nghị không bao gồm các thông tin được yêu cầu, và
 - (iii) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ để thảo luận và thông qua nghị quyết.
7. HĐQT phải soạn thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp;
8. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ với số Cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

ĐIỀU 23. CHỦ TỊCH VÀ ĐIỀU KIỆN TRIỆU TẬP ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐQT hoặc người được ĐHĐCĐ bầu ra sẽ làm chủ tọa. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì Đại hội, thành viên HĐQT chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của ĐHĐCĐ, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên HĐQT. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được ĐHĐCĐ bầu ra để cử một hoặc một số thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường BKS điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển Đại hội bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
2. ĐHĐCĐ được coi là triệu tập hợp lệ khi có số Cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết có mặt. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các Cổ Đông và những đại diện ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết. Trường hợp ĐHĐCĐ lần thứ hai không được tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc Đại hội, ĐHĐCĐ lần thứ ba phải được triệu tập lại trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ hai và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ Đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
3. Chỉ ĐHĐCĐ mới có quyền sửa đổi chương trình họp đã được gửi theo thông báo mời họp.

4. Cuộc họp ĐHĐCĐ có thể bao gồm hình thức hội nghị giữa các Cổ đông, trong đó một số hoặc tất cả Cổ đông đang ở những địa điểm khác nhau, với điều kiện là những người này phải:
 - (i) có khả năng nghe được những người khác tham dự phát biểu tại cuộc họp; và
 - (ii) có khả năng giao tiếp được với tất cả các Cổ đông khác cùng lúc một cách trực tiếp, thông qua điện thoại hội nghị hoặc bằng hình thức thông tin liên lạc khác. Mỗi Cổ đông tham gia vào buổi họp sẽ được xác định là “có mặt” tại buổi họp nếu được Cổ đông đó xác nhận việc đó bằng chữ ký của mình, bao gồm cả chữ ký điện tử.
5. Ngoài các trường hợp như quy định nêu trên, Cổ Đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này trong trường hợp Cổ Đông bỏ phiếu thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử.

ĐIỀU 24. THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ thông qua mọi quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến các Cổ đông bằng văn bản.
 - (i) Trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp: Công ty sẽ phát cho từng Cổ đông một Thẻ biểu quyết có số đăng ký và tên của Cổ đông, cùng với số Cổ phần biểu quyết của Cổ đông đó. Việc biểu quyết có thể được thực hiện bằng phần mềm máy tính. Chủ tọa có thể bổ nhiệm Ban kiểm phiếu để thực hiện việc kiểm phiếu và thông qua danh sách Ban kiểm phiếu tại cuộc họp.

Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của cuộc họp được ĐHĐCĐ thông qua.
 - (ii) Không phụ thuộc vào Điều 145 Luật Doanh Nghiệp, trong trường hợp phê duyệt thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Chủ tịch HĐQT thực hiện theo trình tự, thủ tục như sau:
 - Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến (phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung sau: (i) tên, địa chỉ của trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty, (ii) mục đích lấy ý kiến, (iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức; số lượng Cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông; (iv) vấn đề cần lấy ý kiến và các tài liệu kèm theo; (v) thời hạn để gửi ý kiến cho Công ty; và (vi) phương án biểu quyết “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”; (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty;
 - Gửi phiếu lấy ý kiến bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông ghi trong danh sách Cổ đông có quyền lấy ý kiến văn bản, đồng thời

đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty ít nhất mười (10) ngày làm việc (không bao gồm ngày thông báo và ngày phải gửi lại phiếu lấy ý kiến) (hoặc ít nhất mười lăm (15) ngày trong trường hợp thời hạn mười (10) ngày làm việc nói trên ít hơn mười lăm (15) ngày) trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Các tài liệu kèm theo phiếu lấy ý kiến được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty bao gồm: (i) Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ; (ii) Các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Phiếu lấy ý kiến được gửi tới các Cổ đông như quy định tại Khoản này sẽ ghi rõ nơi và cách thức tải tài liệu. Công ty sẽ gửi tài liệu kèm theo phiếu lấy ý kiến cho Cổ đông nếu Cổ đông yêu cầu.

- Cổ Đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời về Công Ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức. Phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải được để trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến, bị sửa chữa, tẩy xóa, đánh dấu, thêm ký hiệu hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
 - Gửi fax hoặc thư điện tử đăng ký chính thức của Công Ty: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, hoặc một hoặc một số thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền/phân công tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của đại diện BKS hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty; người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu
- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

2. Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi:

- i) Trừ trường hợp quy định tại Khoản (ii) dưới đây, các quyết định của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51%

tổng số phiếu bầu của các Cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản).

- ii) Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các Cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản).
- (A) Loại và số lượng Cổ phần chào bán, chuyển nhượng của từng loại;
 - (B) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - (C) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty;
 - (D) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - (E) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - (F) Tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

ĐIỀU 25. BIÊN BẢN CUỘC HỌP ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tùy thuộc vào quyết định của ĐHĐCĐ tại từng thời điểm. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Công ty;
 - b) Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chủ toạ và thư ký;
 - đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - g) Số Cổ đông và tổng số phiếu của các Cổ đông có mặt tại cuộc họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số Cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - h) Tổng số phiếu biểu quyết cho từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp; và
 - i) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - k) Họ, tên, chữ ký của chủ toạ và thư ký.Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau.
2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
3. Chủ toạ và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ kết thúc.

Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

ĐIỀU 26. HOÃN CUỘC HỌP ĐHĐCĐ

1. Không cần phải lấy ý kiến của ĐHĐCĐ, chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có thể hoãn cuộc họp cho dù có đủ số thành viên tối thiểu cần có mặt sang một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp, nếu phát hiện rằng:
 - (i) Không có đủ chỗ cho tất cả các Cổ đông tại địa điểm họp;
 - (ii) Những người tham gia có thái độ cản trở hoặc có khả năng cản trở tiến trình của cuộc họp; hoặc
 - (iii) Việc trì hoãn này là cần thiết để đảm bảo rằng cuộc họp được thực hiện công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba (3) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

2. Cuộc họp được tổ chức lại để thảo luận và giải quyết các vấn đề đáng ra được thảo luận một cách hợp pháp tại cuộc họp bị trì hoãn lần trước.
3. HĐQT có thể yêu cầu kiểm tra và thực hiện các biện pháp đảm bảo an ninh cần thiết, HĐQT cũng có thể trục xuất các Cổ đông hoặc đại diện của Cổ đông nếu người đó không tuân thủ đúng các quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà HĐQT đặt ra.

CHƯƠNG VIII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐIỀU 27. THÀNH PHẦN VÀ NHIỆM KỲ

1. Số thành viên của HĐQT sẽ không ít hơn ba (3) người và không nhiều hơn mười một (11) người (hoặc một số lượng khác phù hợp với Pháp luật tại từng thời điểm). Thành viên của HĐQT không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty hoặc có quốc tịch Việt Nam và cần đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 151 Luật Doanh Nghiệp và pháp luật liên quan tại từng thời điểm. Ít nhất một nửa (1/2) số thành viên HĐQT phải thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (5) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (5) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu phổ thông đầu phiếu hoặc bầu dồn phiếu, tùy theo quyết định hoặc quy chế bầu cử do ĐHĐCĐ phê duyệt tùy từng thời điểm.
3. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.

Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thì nhiệm kỳ của thành viên bổ sung/thay thế đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.

4. Tư cách thành viên HĐQT bị chấm dứt trong các trường hợp sau:
 - (i) Nếu thành viên đó vi bất kỳ quy định nào của Luật Doanh nghiệp hoặc Pháp luật bị cấm làm thành viên HĐQT;
 - (ii) Nếu thành viên đó từ chức bằng một thông báo bằng văn bản gửi tới trụ sở chính của Công ty;
 - (iii) Nếu thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của HĐQT nhận thấy rằng thành viên đó không còn đủ năng lực hành vi và phải được cơ quan có thẩm quyền của nhà nước kết luận;
 - (iv) Nếu thành viên đó trong vòng sáu (6) tháng liên tiếp, vắng mặt mà không được phép của HĐQT trong các cuộc họp HĐQT, và HĐQT quyết định bãi nhiệm vị trí của thành viên đó.
 - (v) Bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.
5. Bộ máy giúp việc HĐQT: HĐQT ban hành cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của bộ máy giúp việc HĐQT để HĐQT thực hiện tốt quyền và trách nhiệm của mình.
6. HĐQT có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

ĐIỀU 28. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải được quản lý hoặc chịu sự điều hành của HĐQT. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong mọi việc, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. HĐQT có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra giám sát các hoạt động quản lý của TGD và các Cán Bộ Quản Lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT được quy định bởi Pháp luật, Điều lệ này, và các nghị quyết của ĐHĐCĐ. Cụ thể, HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - (i) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;
 - (ii) Hoạch định chiến lược và các mục tiêu hoạt động mà ĐHĐCĐ đề ra;
 - (iii) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;

- (iv) Thực hiện các khiếu nại của Công ty về Cán Bộ Quản Lý cũng như quyết định chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý liên quan chống lại Cán Bộ Quản Lý đó;
 - (v) Đề xuất các loại Cổ phần và tổng số Cổ phần phát hành theo từng loại;
 - (vi) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu có thể chuyển đổi thành Cổ phần và các chứng quyền cho phép người nắm giữ mua Cổ phần với mức giá đã được ấn định;
 - (vii) Quyết định giá của từng loại Cổ phần, trái phiếu và chứng khoán chuyển đổi; quyết định chào bán Cổ phần mới trong phạm vi số Cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - (viii) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TGD, Kế toán trưởng, các Phó TGD, Giám đốc Công ty con, trưởng chi nhánh hoặc văn phòng đại diện nhưng việc miễn nhiệm đó sẽ không được trái các quyền theo hợp đồng lao động của người bị miễn nhiệm nếu có;
 - (ix) Cử người Đại Diện Theo Ủy Quyền thực hiện quyền sở hữu Cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - (x) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - (xi) Đề xuất việc tái cơ cấu tổ chức hoặc giải thể Công ty;
 - (xii) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và quyết định của ĐHĐCĐ.
4. Những vấn đề sau phải được HĐQT phê chuẩn, trừ trường hợp đã ủy quyền và/ hoặc phân cấp theo quy định tại Khoản 6 Điều này:
- (i) Thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - (ii) Thành lập Công ty con, Công ty thành viên của Công ty;
 - (iii) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị đến hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ được quy định tại Khoản 1, Khoản 3, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp, Điểm h, khoản 3 Điều 19 Điều lệ này.
 - (iv) Các khoản vay của Công ty và các hoạt động cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường của Công ty;
 - (v) Góp vốn, mua hoặc bán các Cổ phần của các Công ty được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - (vi) Định giá tài sản đóng góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm cả vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - (vii) Việc Công ty mua lại tới 10% của số Cổ phần mỗi loại;
 - (viii) Quyết định giá mua lại Cổ phần của Công ty;

5. HĐQT phải báo cáo với ĐHĐCĐ về các hoạt động của mình, đặc biệt về các hoạt động giám sát đối với TGD và Cán Bộ Quản Lý khác trong năm tài chính. Nếu báo cáo không được đệ trình, thì báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị xem như vô hiệu và chưa được ĐHĐCĐ phê duyệt.
6. HĐQT có thể ủy quyền cho các nhân viên cấp dưới và Cán Bộ Quản Lý khác quyết định, ký kết các tài liệu và tổ chức thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền quyết định, phê chuẩn của HĐQT, trừ các trường hợp bắt buộc phải được HĐQT trực tiếp quyết định theo quy định của Pháp luật.
7. Các thành viên của HĐQT có thể được phép hưởng thù lao cho việc thực hiện công việc phù hợp với quyết định của ĐHĐCĐ.

ĐIỀU 29. CHỦ TỊCH, PHÓ CHỦ TỊCH VÀ THÀNH VIÊN HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - c) Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
 - đ) Chủ tọa họp ĐHĐCĐ;
 - e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.
2. Phó Chủ tịch (nếu có) có các quyền và trách nhiệm hành động với tư cách Chủ tịch trong trường hợp Chủ tịch không thực hiện nhiệm vụ của mình vì lý do sức khỏe, vắng mặt hoặc bất kỳ lý do nào khác.
3. Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT nộp báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán, và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các Cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
4. Trong trường hợp thành viên HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm vì bất kỳ lý do gì, HĐQT phải thực hiện việc thay thế tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến ĐHĐCĐ gần nhất.

ĐIỀU 30. ỦY QUYỀN THAM DỰ HỌP HĐQT

Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

ĐIỀU 31. CUỘC HỌP HĐQT

1. Họp thường kỳ. Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm triệu tập các cuộc họp HĐQT, chuẩn bị chương trình họp và gửi thông báo ghi rõ thời gian và địa điểm họp cho các thành viên HĐQT ít nhất bảy (7) ngày trước khi bắt đầu cuộc họp. Sau đó Chủ tịch có thể triệu tập họp vào bất kỳ thời điểm nào mà Chủ tịch cho là cần thiết, nhưng tối thiểu phải có một cuộc họp trong từng quý.
2. Họp bất thường. Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường

ngay lập tức khi có một trong những người sau đây gửi yêu cầu bằng văn bản đưa ra mục đích và nội dung các vấn đề cần phải thảo luận:

- (i) TGD hoặc ít nhất năm (5) Cán Bộ Quản Lý Khác
 - (ii) Ít nhất hai thành viên của HĐQT;
 - (iii) Có đề nghị của BKS.
3. Các cuộc họp HĐQT quy định tại Khoản 2, Điều này phải được tiến hành trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu họp HĐQT. Nếu Chủ tịch không triệu tập họp thì người yêu cầu tại Khoản 2 Điều này có quyền tự mình triệu tập họp HĐQT.
 4. Theo yêu cầu của các kiểm toán viên, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn bạc về báo cáo kiểm toán và tình hình của Công ty.
 5. Địa điểm họp. Cuộc họp HĐQT được tổ chức tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại một địa điểm khác trong lãnh thổ Việt Nam, hoặc với sự đồng ý của HĐQT, ngoài lãnh thổ Việt Nam theo chỉ định của Chủ tịch HĐQT.
 6. Thông báo và Chương trình họp. Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo về triệu tập họp được gửi cho các thành viên HĐQT ít nhất năm (5) ngày trước khi chính thức khai mạc cuộc họp với điều kiện là thành viên HĐQT có thể khước từ thông báo đó bằng một văn bản thể hiện sự nhất trí của tất cả các thành viên và việc khước từ đó có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo triệu tập họp HĐQT phải được lập thành văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ về chương trình, thời gian, địa điểm họp kèm theo các tài liệu cần thiết về các vấn đề sẽ được nêu ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết, được gửi tới cho các thành viên không thể tham dự cuộc họp.
 7. Số thành viên tham dự tối thiểu. Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên của HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua thành viên thay thế. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.
 8. Biểu quyết.
 - (i) Mỗi thành viên HĐQT hoặc thành viên HĐQT thay thế, và các người được ủy quyền tham dự họp sẽ có một (1) phiếu biểu quyết.
 - (ii) Thành viên của HĐQT không biểu quyết về bất kỳ hợp đồng hay thoả thuận hoặc đề xuất nào mà có quyền lợi của thành viên đó, hoặc liên quan tới các nghĩa vụ của thành viên đó mà xung đột hoặc có thể xung đột với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số đại biểu tối thiểu có mặt tại buổi họp nếu nghị quyết thông qua tại cuộc họp về vấn đề mà thành viên đó không được phép biểu quyết.
 - (iii) Nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh tại cuộc họp có liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan tới quyền biểu quyết của thành viên HĐQT và vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT đó, thì vấn đề đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và quyết nghị của Chủ tọa sẽ là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc

phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

(iv) Bất kỳ thành viên HĐQT nào liên quan tới hợp đồng theo quy định tại Khoản 2 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

9. Tuyên bố lợi ích. Thành viên HĐQT, trực tiếp hoặc gián tiếp, có quyền lợi đối với một hợp đồng hoặc thoả thuận, hoặc hợp đồng hay thoả thuận dự kiến với Công ty sẽ phải công bố nội dung các quyền lợi của mình tại cuộc họp HĐQT mà việc tham gia hợp đồng hay thoả thuận đó lần đầu tiên được đưa ra thảo luận, nếu khi đó thành viên đó biết rằng mình có quyền lợi trong đó, hoặc trong trường hợp khác, tại buổi họp đầu tiên của HĐQT sau khi thành viên đó biết rằng mình có lợi ích quyền lợi của mình được thiết lập.
10. Biểu quyết đa số. HĐQT sẽ thông qua nghị quyết và đưa ra quyết định theo đa số (hơn 50%) trên số thành viên HĐQT tham dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.
11. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt. Các thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức bỏ phiếu thông qua thư, fax, thư điện tử. Những phiếu bằng văn bản phải được gửi tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì gửi cho thư ký của Chủ tịch, những phiếu thông qua fax, thư điện tử phải được gửi đến hòm thư chính thức hoặc số fax chính thức của Công ty ít nhất một (01) tiếng trước thời gian quy định tại buổi họp..
12. Họp thông qua điện thoại hoặc hình thức khác. Cuộc họp HĐQT có thể dưới hình thức hội nghị giữa các thành viên HĐQT, trong đó một số hoặc tất cả thành viên HĐQT ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là từng thành viên HĐQT tham gia có thể:
- (i) Nghe thấy những người khác tham gia tại buổi thảo luận; và
 - (ii) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham gia thảo luận một cách đồng thời,

Việc trao đổi giữa các thành viên HĐQT có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hội nghị hoặc hình thức thông tin liên lạc khác (có thể đang được sử dụng khi thông qua Điều lệ này hoặc được phát triển về sau) hoặc kết hợp các hình thức khác nhau. Theo Điều lệ này, từng thành viên HĐQT tham gia cuộc họp đó sẽ được coi là “có mặt”. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo cách thức quy định tại điều khoản này được xác định theo địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có nhóm thành viên nào như vậy, thì địa điểm sẽ được xác định là địa điểm nơi Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Nghị quyết được thông qua trong buổi họp tổ chức dưới hình thức họp qua điện thoại sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc buổi họp, nhưng phải được xác nhận bởi chữ ký trên biên bản của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

13. Họp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT có quyền biểu quyết bằng văn bản theo các thủ tục sau:

- (i) Gửi thông báo lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo các tài liệu có liên quan đến việc thông qua Nghị quyết cho các thành viên HĐQT; và
- (ii) Các thành viên HĐQT biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT ghi trong Thông báo lấy ý kiến;
- (iii) Chủ tịch HĐQT hoặc người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền tiến hành kiểm phiếu với sự giúp việc của Thư ký HĐQT và dưới sự giám sát của ít nhất một (01) thành viên HĐQT;
- (iv) Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua.

Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ

14. Biên bản cuộc họp. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt, và phải được ký nhận bởi chủ toạ cuộc họp và người ghi biên bản, trừ trường hợp thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp cần thiết, biên bản cuộc họp HĐQT sẽ được lập hoặc/và dịch sang tiếng nước ngoài..
15. Những người tham dự khác. TGD, các Cán Bộ Quản Lý, và các chuyên gia có thể tham dự cuộc họp HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không được biểu quyết trừ khi chính bản thân họ có quyền biểu quyết như một thành viên của HĐQT.
16. Giá trị pháp lý của hành động. Mọi hành động được thực hiện theo quyết định của HĐQT, miễn là những người đó hành động một cách ngay tình, trung thực đối với Công ty, sẽ có hiệu lực như thể cá nhân đó đã được bầu một cách hợp lệ, có đủ tư cách và tiếp tục là thành viên HĐQT và có quyền biểu quyết, bất kể là đã có một số lỗi trong việc chỉ định thành viên đó.
17. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT có 100% số thành viên HĐQT trực tiếp (bất kể có mặt trực tiếp, thông qua cuộc gọi hội thoại hoặc các hình thức giao tiếp khác) và ủy quyền tham dự, là hợp lệ và có hiệu lực, ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

CHƯƠNG IX: TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ

ĐIỀU 32. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Công ty sẽ thiết lập hệ thống quản lý trong đó tổ chức quản lý sẽ chịu trách nhiệm và hoạt động dưới sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có TGD, các Phó TGD, Kế toán trưởng, các Cán Bộ Quản Lý khác do HĐQT bổ nhiệm và bộ máy giúp việc. TGD, Phó TGD có

thể kiêm cả vị trí là thành viên của HĐQT, được bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm theo Nghị quyết của HĐQT.

ĐIỀU 33. TỔNG GIÁM ĐỐC

1. **Bổ nhiệm.** HĐQT bổ nhiệm một TGD, và ký hợp đồng quy định về tiền lương, thưởng, ưu đãi và các quy định lao động khác đối với TGD. Mức lương, thưởng, ưu đãi cho TGD phải được báo cáo lên ĐHCĐ hàng năm và được nêu trong báo cáo hàng năm của Công ty.
2. **Nhiệm kỳ.** TGD không nhất thiết phải là Chủ tịch HĐQT. Nhiệm kỳ của TGD là năm (5) năm, trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực theo quy định trong hợp đồng lao động.
- 2A. TGD vừa kết thúc nhiệm kỳ tiếp tục hoạt động cho đến khi TGD mới được bổ nhiệm.
3. TGD phải đáp ứng những tiêu chuẩn điều kiện theo quy định tại Điều 65 của Luật Doanh Nghiệp.
4. **Quyền và trách nhiệm.** TGD có các quyền và trách nhiệm sau:
 - (i) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT, kế hoạch kinh doanh năm, kế hoạch đầu tư của Công ty được phê duyệt bởi HĐQT và ĐHCĐ;
 - (ii) Quyết định các vấn đề không yêu cầu phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm nhưng không hạn chế ở việc đại diện cho Công ty tham gia ký kết và thực hiện các loại hợp đồng thương mại, dân sự, tài chính và hợp đồng khác, tổ chức và chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - (iii) Đề xuất số lượng và loại Cán Bộ Quản Lý Khác được bổ nhiệm và miễn nhiệm bởi HĐQT nếu cần thiết để thực hiện các thông lệ quản lý hiện đại, cơ cấu tổ chức hiện đại theo đề nghị của HĐQT, tư vấn cho HĐQT trong việc xác định mức lương, thưởng, và các điều khoản khác trong chế độ lao động đối với các Cán Bộ Quản Lý; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Trưởng phòng, Trưởng ban, Phó Trưởng phòng, Phó Trưởng ban và các chức danh quản lý khác, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;
 - (iv) Tham vấn cho HĐQT về số lượng nhân viên, mức lương, thưởng, chế độ, bổ nhiệm, chấm dứt, và các nội dung khác liên quan đến lao động;
 - (v) Trong thời gian sớm nhất, trước ĐHCĐ thường niên hàng năm, TGD phải trình HĐQT phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu nêu ra của ngân sách phù hợp và kế hoạch tài chính năm (5) năm.
 - (vi) Thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng năm được phê duyệt bởi HĐQT và được ĐHCĐ thông qua;
 - (vii) Đề xuất các biện pháp nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý của Công ty;
 - (viii) Chuẩn bị ngân sách hàng tháng, hàng năm và dài hạn cho Công ty phục vụ hoạt động quản lý hàng tháng, hàng năm và dài hạn của Công ty theo kế hoạch kinh

- doanh. Ngân sách hàng năm (bao gồm cả cân đối thu chi, báo cáo lợi nhuận và thua lỗ, báo cáo lưu chuyển tiền mặt) cho từng năm tài chính để nộp cho HĐQT phê duyệt và bao gồm cả các thông tin theo yêu cầu tại Điều lệ này; và
- (ix) Được ủy quyền cho cấp dưới thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước HĐQT về việc ủy quyền đó.
 - (x) Thực hiện các hoạt động khác thuộc trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều lệ, nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động của TGD và Pháp luật.
5. Báo cáo lên HĐQT và các Cổ đông. TGD chịu trách nhiệm báo cáo HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện các trách nhiệm của mình và các công việc khác theo yêu cầu.
6. Bãi nhiệm. HĐQT có thể bãi nhiệm TGD thông qua phiếu biểu quyết đại diện cho hai phần ba (2/3) tổng số thành viên HĐQT (trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của chính TGD) và bổ nhiệm TGD mới thay thế.

ĐIỀU 34. LAO ĐỘNG

1. HĐQT quyết định tổng số nhân viên và quỹ lương của Công ty. TGD sẽ, trong giới hạn đó, toàn quyền lựa chọn tuyển dụng nhân viên theo các quy định của Công ty. Đối với những vị trí thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của HĐQT, TGD có quyền được đề xuất lên HĐQT trước khi bổ nhiệm ký hợp đồng lao động với họ.
2. Lương, thưởng, và các chế độ khác của nhân viên được TGD quyết định theo quy chế lương được HĐQT phê duyệt.
3. TGD chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về lao động trong quá trình sử dụng lao động của Công ty. TGD có quyền dự thảo các quy chế nội bộ của Công ty ràng buộc tất cả các nhân viên của Công ty. Các quy chế này phải được HĐQT phê duyệt trước khi thực hiện.

CHƯƠNG X NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, TGD VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

ĐIỀU 35. NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

1. Thành viên HĐQT, TGD và Cán Bộ Quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:
 - a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ;
 - b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông của Công ty;
 - c) Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, Cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.
2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT và TGD không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.
3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Cán Bộ Quản Lý Công ty bao gồm: Thành viên HĐQT, TGD, Phó TGD, Kế toán trưởng, và các chức danh khác được HĐQT xác định tùy từng thời điểm.

ĐIỀU 36. TRÁCH NHIỆM VÀ BỒI THƯỜNG

1. Trách nhiệm. Thành viên HĐQT, TGD, các Cán Bộ Quản Lý khác khi vi phạm trách nhiệm của mình mặc dù đã hành động một cách trung thực và thực hiện các nhiệm vụ một cách cẩn trọng, mẫn cán và chuyên nghiệp, vẫn phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do việc vi phạm các nghĩa vụ của họ.
2. Bồi thường.

Công ty sẽ bồi thường những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành, cho dù là tố tụng dân sự, hình sự hoặc hành chính hoặc điều tra (mà không phải là vụ kiện tiến hành bồi hoặc trong quyền hạn của Công ty), nếu với lý do rằng người đó hiện đang là, đã là thành viên HĐQT hoặc Cán Bộ Quản Lý, người lao động hoặc đại lý của Công ty (hoặc của Công ty thành viên), hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hoặc của Công ty thành viên) với tư cách thành viên HĐQT, Cán Bộ Quản Lý, nhân viên hoặc đại lý của một Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết các vụ việc này trong khuôn khổ Pháp luật cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua và duy trì bảo hiểm các trách nhiệm này cho những cá nhân đó.

CHƯƠNG XI BAN KIỂM SOÁT

ĐIỀU 37. BỔ NHIỆM KSV

1. ĐHĐCĐ sẽ thành lập BKS theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc khi ĐHĐCĐ thấy cần thiết. Thành viên BKS sẽ có các quyền hạn theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và theo quy định tại Điều lệ này, chủ yếu bao gồm:
 - (i) Được HĐQT tham khảo ý kiến về việc chỉ định Công ty kiểm toán, mức phí kiểm toán và tất cả các vấn đề liên quan tới hủy bỏ hoặc chấm dứt đối với kiểm toán viên độc lập;

- (ii) Thảo luận với Công ty kiểm toán về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu kiểm toán;
- (iii) Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo việc tham gia của các chuyên gia bên ngoài có kinh nghiệm và chuyên môn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty nếu thấy cần thiết;
- (iv) Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo sáu (6) tháng và báo cáo hàng quý trước khi đệ trình các báo cáo này lên HĐQT;
- (v) Thảo luận các khó khăn và sai sót được phát hiện trong kết quả kiểm toán cũng như các vấn đề mà Công ty kiểm toán muốn bàn bạc;
- (vi) Kiểm tra thư quản lý của các kiểm toán viên;
- (vii) Xem xét các báo cáo của Công ty về hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT phê duyệt; và
- (viii) Xem xét kết quả kiểm tra nội bộ.
- (ix) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
- (x) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty.

2. Nghĩa vụ của thành viên BKS

- (i) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.
- (ii) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông của Công ty.
- (iii) Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- (iv) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- (v) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.
- (vi) Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên BKS trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 điểm (iii) Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.
- (vii) Trường hợp phát hiện có thành viên BKS vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

3. Thành viên HĐQT và Cán Bộ Quản Lý phải cung cấp các thông tin và tài liệu liên quan tới hoạt động của Công ty, bao gồm các chứng từ đã chuyển tiền qua ngân hàng, các hợp đồng đã ký theo yêu cầu của BKS và thư ký phải đảm bảo rằng bản sao của tất cả các tài liệu tài chính và thông tin được cung cấp cho thành viên của HĐQT và biên bản các

- cuộc họp HĐQT, được cung cấp cho các thành viên của BKS vào cùng thời điểm với HĐQT.
4. Việc biểu quyết bầu KSV được thực hiện theo phương thức bầu phổ thông đầu phiếu hoặc bầu dồn phiếu, tùy theo quyết định hoặc quy chế bầu cử do ĐHĐCĐ phê duyệt tùy từng thời điểm..
 5. BKS có ba (3) thành viên được bổ nhiệm bởi ĐHĐCĐ và sẽ có nhiệm kỳ năm (5) năm, tùy theo quyết định của ĐHĐCĐ. Thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
 6. Thành viên BKS phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;
 - b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên HĐQT, TGD và người quản lý Công ty;
 - c) Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là Cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - d) Không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; và
 - e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác (nếu có) theo quy định của Pháp luật liên quan và Nghị quyết của ĐHĐCĐ tại từng thời điểm.
 7. BKS sẽ bổ nhiệm một trong số các thành viên của mình làm Trưởng BKS. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:
 - (i) Triệu tập các buổi họp của BKS và chủ tọa các buổi họp đó; và
 - (ii) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin có liên quan, và gửi tới cho tất cả các thành viên BKS.
 8. BKS có thể, sau khi tham vấn cùng HĐQT, ban hành quy chế cho các cuộc họp BKS và cách thức tổ chức hoạt động nhưng trong mọi trường hợp, BKS phải họp ít nhất 02 lần/năm.
 9. Tư cách KSV bị chấm dứt trong các trường hợp sau:
 - (i) Nếu thành viên đó không còn đủ tiêu chuẩn điều kiện làm KSV theo quy định tại điều 164 Luật Doanh Nghiệp;
 - (ii) Nếu thành viên đó gửi thông báo từ chức tới trụ sở chính của Công ty;
 - (iii) Có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thành viên bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần, không đủ năng lực hành vi dân sự;
 - (iv) Nếu thành viên đó trong mười sáu (06) tháng liên tiếp vắng mặt trong các cuộc họp của BKS mà không được phép của BKS và BKS quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống;
 - (v) Thành viên đó bị cách chức KSV bất cứ khi nào theo quyết định của ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG XII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

ĐIỀU 38. CỔ TỨC

1. Cổ tức trả cho Cổ phần Ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại Cổ phần Ưu đãi.
2. Cổ tức trả cho Cổ phần Phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty Cổ phần chỉ được trả cổ tức cho Cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng Cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của Cổ đông.
4. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của Cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của Cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
5. HĐQT phải lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng Cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả Cổ đông chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ đông là tổ chức; số lượng Cổ phần từng loại của Cổ đông; mức cổ tức đối với từng Cổ phần và tổng số cổ tức mà Cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
6. Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng Cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.
7. Việc trích lập các quỹ do ĐHCĐ quyết định theo đề nghị của HĐQT Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIII
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG,
NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

ĐIỀU 39. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

1. Công ty có thể mở tài khoản dưới bất kỳ hình thức nào, Việt Nam Đồng hoặc ngoại tệ và dù là vãng lai, tiền gửi hoặc khác, tại một Ngân hàng Việt Nam hoặc ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam phù hợp với Pháp luật.
2. Tùy thuộc vào sự phê chuẩn trước bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ở nước ngoài, nếu được yêu cầu.
3. Công ty thực hiện mọi việc thanh toán và kế toán qua các tài khoản bằng tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại Ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản.

ĐIỀU 40. NĂM TÀI CHÍNH

1. Năm tài chính của Công ty sẽ bắt đầu vào ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của cùng năm đó. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của cùng năm đó.
2. Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, việc lập quỹ theo quy định của pháp luật do ĐHCĐ Công ty quyết định.

ĐIỀU 41. BÁO CÁO VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Công ty sẽ thực hiện Chế độ kế toán Việt Nam (VAS), hoặc bất kỳ chế độ kế toán nào khác được Bộ Tài chính duyệt, và sẽ lưu giữ các sổ sách kế toán theo thông lệ kế toán chung của Việt Nam.
2. Công ty sẽ lưu trữ sổ sách kế toán thể hiện bằng đồng VNĐ. Sổ sách này có thể được chuyển sang thể hiện bằng tiền USD trong trường hợp HDQT yêu cầu.
3. Công ty lưu giữ các sổ sách theo đề mục hoạt động kinh doanh mà sổ sách đó liên quan tới. Việc lưu trữ phải chính xác, cập nhật và có hệ thống, đủ để trình bày và mô tả các giao dịch của Công ty.
4. Tất cả các tài liệu và báo cáo tài chính kế toán quan trọng phải được phê duyệt và ký bởi TGD và Kế toán trưởng.

ĐIỀU 42. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH TRONG TƯƠNG LAI

1. Các Cổ đông không có nghĩa vụ đóng góp thêm tài chính cho Công ty.
2. Công ty có thể tăng vốn, phát hành Cổ phần ra công chúng, và phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi hoặc các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG XIV
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM,
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

ĐIỀU 43. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Công ty phải chuẩn bị báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của Pháp luật và quy định của Bộ Tài chính. Báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 44 của Điều lệ này, và trong vòng chín mươi (90) ngày sau khi kết thúc năm tài chính, nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHĐCĐ phê duyệt cùng các tài liệu kèm theo lên cơ quan thuế và Phòng đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Báo cáo tài chính hàng năm bao gồm: bản kê các khoản lợi nhuận và thua lỗ phản ánh chính xác và khách quan tình hình lợi nhuận và thua lỗ của Công ty trong năm tài chính đó, với bút toán của Công ty tại ngày lập báo cáo lợi nhuận và thua lỗ, và báo cáo lưu lượng tiền mặt và ghi chú cần thiết. Nếu Công ty là một Công ty mẹ, báo cáo tài chính còn phải bao gồm bản cân đối kế toán nêu rõ tình hình tài chính của Công ty và các Công ty thành viên vào cuối năm tài chính.
3. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin định kỳ, bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho Cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ ĐHĐCĐ thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 44. KIỂM TOÁN

1. Tại ĐHĐCĐ thường niên sẽ lựa chọn hoặc giao cho người đại diện theo pháp luật của Công ty lựa chọn một Công ty kiểm toán từ các Công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu được cấp phép hoạt động tại Việt nam sẽ được bổ nhiệm theo Điều lệ này là Công ty kiểm toán chính thức để thực hiện việc kiểm toán cho Công ty trong năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều kiện và điều khoản thoả thuận với HĐQT. Chi phí cho việc kiểm toán sẽ do Công ty chịu.
2. Công ty chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán sau khi hết năm tài chính;
3. Công ty kiểm toán sẽ kiểm tra, xác nhận và lập báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm, liệt kê các khoản thu nhập và chi phí của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình nộp HĐQT trong vòng bảy mươi lăm (75) ngày sau khi hết năm tài chính.
4. Một bản sao báo cáo kiểm toán sẽ được đính kèm và là một phụ lục của báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Công ty kiểm toán có quyền tham dự ĐHĐCĐ và nhận các thông báo và thư tín liên lạc khác liên quan tới bất kỳ cuộc họp nào như các Cổ đông được nhận, được tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ nếu nội dung cuộc họp liên quan đến kiểm toán viên đó.

ĐIỀU 45. CON DẤU CỦA CÔNG TY

1. HĐQT sẽ quyết định sử dụng Con dấu chính thức của Công Ty tùy từng thời điểm và HĐQT có thể xác định, phù hợp với quy định Pháp luật, nội dung của Con dấu.
2. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm quản lý Con dấu phù hợp với quy định Pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 46. BÁO CÁO

1. Công ty sẽ trình nộp cho các Cổ đông các tài liệu sau:
 - (i) Ngay khi có thể nhưng trong mọi trường hợp muộn nhất là sáu (6) tháng sau khi kết thúc năm tài chính, sổ sách tài chính hàng năm đã được kiểm toán của Công ty, cùng với tất cả các thư từ quản lý của kiểm toán viên;
 - (ii) Ngay khi có thể nhưng trong mọi trường hợp muộn nhất là hai mươi (20) ngày sau khi kết thúc các khoảng thời gian tương ứng của: Sổ sách kế toán hàng tháng, hàng quý của Công ty theo mẫu được các Cổ đông chấp thuận, bao gồm:
 - (A) Bản kê lợi nhuận và thua lỗ, Báo cáo kế toán và báo cáo lưu lượng tiền mặt;
 - (B) Báo cáo kinh doanh và hoạt động từ Ban quản lý;
 - (C) Nhận xét về các vấn đề và thay đổi quan trọng; và
 - (D) Báo cáo thể hiện việc tuân thủ hoặc không tuân thủ các thoả thuận tài chính/ngân hàng;
 - (iii) Ngay khi có thể nhưng trong mọi trường hợp muộn nhất là ba mươi (30) ngày trước khi năm tài chính mới bắt đầu, các bản kê ngân sách và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty cho năm tài chính tiếp theo;
2. Công ty cho phép các Cổ đông hoặc thành viên của HĐQT thảo luận với các Công ty kiểm toán của Công ty về bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan tới việc kiểm toán của Công ty.
3. Cổ đông và thành viên HĐQT có quyền xem sổ sách kế toán của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào bằng một thông báo gửi tới Công ty trước ít nhất năm (5) ngày làm việc.
4. Khi nhận được đề nghị, Công ty sẽ chuyển cho Cổ đông tất cả các tài liệu liên quan tới bất kỳ mục nào quy định trong Điều này.

ĐIỀU 47. BẢO MẬT

Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của HĐQT, thì không một thành viên nào của HĐQT, BKS, Cán Bộ Quản Lý, Cổ đông hoặc người có liên quan nào được phép tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan tới Công ty hoặc các hoạt động kinh doanh của Công ty mà thông tin đó không được phổ biến hoặc không dễ suy luận từ các thông tin đã được phổ biến rộng rãi, trừ khi người tiếp nhận thông tin là:

1. Công ty con của Công ty (nếu có); hoặc
2. Các Cổ đông theo như quy định tại Điều lệ này hoặc được quyết định của ĐHĐCĐ; hoặc

3. Cán Bộ Quản Lý và nhân viên của Công ty hoặc các kiểm toán viên, tư vấn với lý do những người này cần biết thông tin để thực hiện công việc của mình trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty. Nhưng trong các trường hợp này, người tiếp nhận thông tin phải bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
4. Các Cổ đông hoặc Giám đốc (TGD) của Cổ đông (trường hợp Cổ đông là pháp nhân), hoặc các tư vấn và nhà cung cấp dịch vụ của Cổ đông, với điều kiện là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
5. Cho một số lượng nhất định các nhà đầu tư tiềm năng đang tìm kiếm cơ hội để mua, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất kỳ Cổ phần nào trong Công ty, với điều kiện là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
6. Các nội dung được yêu cầu phải cung cấp thông tin theo quy định của Pháp luật, quy định về giao dịch chứng khoán hoặc theo lệnh, yêu cầu của Toà án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc
7. Cơ quan thuế theo yêu cầu hợp lý và nhằm mục đích phục vụ việc kê khai nộp thuế mà Cổ đông liên quan.

CHƯƠNG XV

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI THỂ

ĐIỀU 48. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

1. Công ty chấm dứt hoạt động hoặc bị giải thể trong các trường hợp sau:
 - (i) Hết Thời hạn hoạt động và bất cứ lần gia hạn nào sau đó;
 - (ii) Theo phán quyết của Toà án tại Việt Nam tuyên bố phá sản Công ty theo quy định Pháp luật hiện hành;
 - (iii) Chấm dứt trước thời hạn theo quyết định của ĐHĐCĐ và phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - (iv) Bị thu hồi, hủy bỏ Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - (v) Không đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật trong thời gian liên tục sáu (6) tháng liên tiếp; hoặc
 - (vi) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.
2. Nghị quyết giải thể Công ty trước thời hạn (hoặc gia hạn) phải được ĐHĐCĐ thông qua và được HĐQT thực hiện, và phải được thông báo tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin phê chuẩn nếu cần thiết. Thủ tục giải thể được thực hiện phù hợp với quy định của Điều 202 của Luật Doanh nghiệp.

ĐIỀU 49. GIA HẠN THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ ít nhất một (1) năm trước khi hết Thời hạn hoạt động của Công ty để các Cổ đông biểu quyết về việc gia hạn Thời hạn hoạt động của Công ty theo thời hạn mới mà HĐQT đề xuất.
2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn bằng một nghị quyết có hiệu lực được các Cổ đông đại diện cho ít nhất 51% số Cổ phần Phổ thông có quyền biểu quyết có mặt tại ĐHĐCĐ thông qua.

ĐIỀU 50. THANH LÝ

1. Ít nhất sáu (6) tháng trước khi hết Thời hạn hoạt động của Công ty hoặc khi có quyết định giải thể Công ty, ĐHĐCĐ phải thành lập Ban Thanh lý bao gồm các thành viên HĐQT. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các thủ tục để hoạt động. Nhân viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn từ các nhân viên của Công ty hoặc người ngoài Công ty. Mọi chi phí phát sinh từ việc thanh lý sẽ do Công ty ưu tiên chi trả trước khi thanh toán các nghĩa vụ khác, trừ khi Pháp luật có quy định khác.
2. Ban Thanh lý sẽ đại diện Công ty trong mọi công việc liên quan tới quá trình thanh lý trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Số tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo Pháp luật.

CHƯƠNG XVI:

THÔNG BÁO, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ĐIỀU 51. THÔNG BÁO

1. Bất kỳ thông báo nào theo Điều lệ này phải được lập thành văn bản bằng tiếng Việt và phải được gửi bằng thư tay hoặc bưu điện hoặc gửi fax tới địa chỉ ghi trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông.
2. Bất kỳ thông báo được gửi đi như dưới đây sẽ được xem như đã được nhận:
 - (i) nếu được trao tận tay, tại thời điểm giao nhận hoặc thời điểm từ chối nhận;
 - (ii) nếu được gửi bằng đường bưu điện, ba (3) ngày sau ngày gửi (hoặc bảy (7) ngày sau ngày gửi nếu được gửi đi hoặc đến từ ngoài lãnh thổ Việt nam) và có chứng từ chứng minh việc gửi; hoặc
 - (iii) nếu được gửi bằng fax, khi máy fax của người gửi có tín hiệu báo việc gửi fax đã hoàn tất, trừ khi trong vòng tám (8) tiếng đồng hồ sau khi gửi, người nhận thông báo rằng họ vẫn chưa nhận được toàn bộ bản fax.
3. Trường hợp Cổ đông là một nhóm người cùng đứng tên, thì thông báo sẽ được gửi cho người có tên đứng đầu tiên trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông và thông báo gửi cho người đó sẽ có giá trị cho tất cả những người khác.
4. Công ty sẽ thực hiện các nỗ lực hợp lý để bảo đảm tính chính xác của các địa chỉ trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông, và Chủ tịch HĐQT sẽ sửa đổi các địa chỉ của Cổ đông nếu nhận được thông báo bằng văn bản từ Cổ đông đó.

ĐIỀU 52. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

1. Trường hợp có tranh chấp hoặc khiếu nại phát sinh liên quan tới hoạt động của Công ty hoặc các quyền của Cổ đông theo Điều lệ này hoặc theo quy định của Pháp luật, giữa:
 - (i) Cổ đông và Công ty; hoặc
 - (ii) Cổ đông và HĐQT, BKS, TGD hoặc Cán Bộ Quản Lý khác; hoặc
 - (iii) Cổ đông và Cổ đông khác,thì các bên liên quan sẽ cố gắng cùng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải.
2. Trường hợp không đạt được thoả thuận hoà giải trong vòng sáu mươi (60) ngày kể từ ngày bắt đầu quá trình hoà giải, hoặc đề nghị hoà giải không được hai bên đồng ý, thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa vụ việc ra Tòa án cấp có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết. Phán quyết của Tòa án sẽ là cơ sở để các bên thực hiện.
Chi phí sẽ do bên thua kiện chịu, trừ khi phán quyết của Tòa án có quyết định khác.

CHƯƠNG XVII HIỆU LỰC ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 53. NGÀY HIỆU LỰC

1. Điều lệ này gồm 17 chương với 53 Điều, là bản Điều Lệ hợp pháp và chính thức của Công Ty, thay thế các bản trước đây. Điều Lệ này được ĐHCĐ Công Ty thông qua ngày 18 tháng 06 năm 2015 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ này. Điều Lệ này có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2015..
2. Điều lệ này được làm thành một (1) bản gốc bằng Tiếng Việt được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Bản sao hoặc trích lục của Điều lệ phải được ký bởi Chủ tịch HĐQT hoặc TGD hoặc người được Chủ tịch HĐQT hoặc TGD ủy quyền mới có giá trị.

Chữ ký Người đại diện theo pháp luật của Công ty

